

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02- 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội tiền thân là công ty TNHH MTV Sách – Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội, chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 27 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần và hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 số 0100110302 ngày 19 tháng 10 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Ông Lê Quốc Bảo	Chủ tịch	
Ông Trần Đỗ Thành	Thành viên	
Ông Đỗ Quang Thịnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2017
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2017
Bà Nguyễn Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2017
Bà Lại Minh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2017 Từ nhiệm ngày 12/02/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Quang Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/05/2017
Ông Nguyễn Hữu Đức	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2017

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Bà Phạm Thị Tâm	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11/05/2017
Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/05/2017
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2017
Bà Đỗ Lan Anh	Thành viên	
Bà Trịnh Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế

toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;


- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.


Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Số: 260318.056/BCTC.FIS2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018 từ trang 06 đến trang 25 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH PKF Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo Báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 03 năm 2017.



**Công ty TNHH
Hàng kiểm toán AASC**

Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Phạm Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2893-2015-002-1




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
			31/12/2017 VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		19.670.565.581	23.704.180.694
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	2.216.165.829	1.540.427.429
111	1. Tiền		2.216.165.829	1.540.427.429
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.916.398.409	8.948.858.114
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	4.431.155.262	7.125.075.155
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	4.068.927
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	1.460.513.910	1.924.735.039
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(170.851.865)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		24.729.237	65.830.858
140	IV. Hàng tồn kho		11.485.386.942	13.156.620.338
141	1. Hàng tồn kho	6	11.485.386.942	13.156.620.338
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		52.614.401	58.274.813
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	52.614.401	58.274.813
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.613.375.480	15.318.094.230
220	II. Tài sản cố định		12.671.885.107	13.470.703.855
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	12.610.010.105	13.390.078.853
222	- Nguyên giá		22.460.690.726	22.460.690.726
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.850.680.621)	(9.070.611.873)
227	3. Tài sản cố định vô hình		61.875.002	80.625.002
228	- Nguyên giá		240.479.990	240.479.990
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(178.604.988)	(159.854.988)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		941.490.373	1.847.390.375
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	941.490.373	1.847.390.375
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		33.283.941.061	39.022.274.924

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
			31/12/2017 VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		8.561.498.417	13.896.150.803
310	I. Nợ ngắn hạn		8.561.498.417	13.856.150.803
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	6.066.787.513	10.120.088.710
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		123.507.000	135.095.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	159.797.281	108.372.271
314	4. Phải trả người lao động		790.392.841	656.725.523
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	12	1.366.554.002	2.835.868.499
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		54.459.780	-
330	II. Nợ dài hạn		-	40.000.000
337	7. Phải trả dài hạn khác	12	-	40.000.000
400	B. NGUỒN VỐN		24.722.442.644	25.126.124.121
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	24.722.442.644	25.126.124.121
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.000.000.000	4.000.000.000
415	5. Cổ phiếu quỹ		(486.000.000)	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		163.379.341	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.045.063.303	1.126.124.121
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		108.285.000	6.057.673
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		936.778.303	1.120.066.448
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		33.283.941.061	39.022.274.924


Trần Trung
Người lập biểu


Nguyễn Hải Đăng
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc




Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	
			Năm 2017 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	127.777.418.586	129.174.198.016
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		4.545.992.807	4.333.348.306
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	123.231.425.779	124.840.849.710
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	15	103.462.825.169	105.500.314.012
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.768.600.610	19.340.535.698
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		12.509.546	1.172.331.677
22	7. Chi phí tài chính		193.056.951	37.516.669
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		193.056.951	37.516.669
25	8. Chi phí bán hàng	16	12.381.720.209	13.050.355.082
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	5.775.188.719	6.194.572.856
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.431.144.277	1.230.422.768
31	11. Thu nhập khác		44.445.733	175.795.519
32	12. Chi phí khác		1.127.307	6.135.227
40	13. Lợi nhuận khác		43.318.426	169.660.292
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.474.462.703	1.400.083.060
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	294.892.540	280.016.612
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1.179.570.163</u>	<u>1.120.066.448</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	590	533


Trần Trung
Người lập biểu


Nguyễn Hải Đăng
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2016	
			Năm 2017 VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.474.462.703	1.400.083.060
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định		798.818.748	798.818.748
03	Các khoản dự phòng		(170.851.865)	(5.103.620)
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(6.222.232)	(1.172.331.677)
06	Chi phí lãi vay		193.056.951	37.516.669
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.289.264.305	1.058.983.180
09	Giảm các khoản phải thu		3.203.311.570	1.188.941.046
10	Giảm hàng tồn kho		1.671.233.396	672.228.721
11	(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.389.112.166)	(93.002.190.031)
12	Giảm chi phí trả trước		905.900.002	946.198.205
14	Tiền lãi vay đã trả		(193.056.951)	(37.516.669)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(347.064.041)	(407.506.942)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(184.959.947)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.955.516.168	(89.580.862.490)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.222.232	1.172.331.677
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.222.232	1.172.331.677
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(486.000.000)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		24.260.542.332	12.000.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(24.260.542.332)	(12.000.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(800.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.286.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		675.738.400	(88.408.530.813)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	1.540.427.429	89.948.958.242
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.216.165.829	1.540.427.429


Trần Trung
Người lập biểu


Nguyễn Hải Đăng
Kế toán trưởng




Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội ("Công ty") tiền thân là công ty TNHH MTV Sách – Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội, chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 27 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần và hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 0100110302 ngày 19 tháng 10 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND được chia thành 2.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- ▶ Kinh doanh sách, báo, các ấn phẩm, văn phòng phẩm;
- ▶ Kinh doanh các thiết bị điện tử, công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh các đồ dùng gia đình, đồ dùng học sinh;
- ▶ Xây dựng cơ sở vật chất trường học, cung cấp lắp đặt các thiết bị, đồ dùng dụng cụ dạy và học.

Cấu trúc Công ty

Cấu trúc của Công ty tại ngày 31/12/2017 bao gồm:

STT	Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
1	Văn phòng Công ty	Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Trung tâm số 1	Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3	Trung tâm số 2	Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Trung tâm số 3	Số 11, Trần Huy Liệu, quận Ba Đình, Hà Nội
5	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Số 2 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội
6	Cửa hàng số 2	Số 2 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội
7	Xí nghiệp Xây lắp	Số 2 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp thực tế đích danh đối với Trung tâm 1, bình quân gia quyền tháng với các cửa hàng, trung tâm còn lại.

Tại trung tâm 1, mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa các cấp, sách tham khảo, các ấn phẩm. Các cửa hàng, trung tâm còn lại bao gồm các mặt hàng sách, đồ chơi, văn phòng phẩm, dụng cụ học tập...

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình/vô hình) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định (hữu hình/vô hình) được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy tính bao gồm phần mềm phục vụ bán hàng tại các trung tâm, cửa hàng, website của Công ty.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50 năm
▶ Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
▶ Phương tiện vận tải	10 năm
▶ Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

2.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng

TRÁI
HẢI
HOÀI

Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí đi vay, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	220.681.559	413.054.033
Tiền gửi ngân hàng	1.995.484.270	1.127.373.396
	2.216.165.829	1.540.427.429

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.738.743.022	-	4.514.063.237	(170.851.865)
Nhà sách Bình Thủy	638.378.467	-	122.784.875	-
Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	590.172.400	-	374.351.500	-
- Tiểu học				
Đại lý 90	-	-	554.041.100	-
Phòng Giáo dục Huyện Sóc Sơn	5.132.774	-	288.409.550	-
Phòng Giáo dục Huyện Thanh Oai	2.034.500	-	426.619.550	-
Khác	1.503.024.881	-	2.747.856.662	(170.851.865)
Hoạt động xây lắp	1.692.412.240	-	2.611.011.918	-
Trường PTTH Hoàng Văn Thụ	139.540.000	-	239.540.000	-
Trường Thương Mại - Du lịch	378.538.000	-	458.538.000	-
Trường THPT Kim Liên	485.250.240	-	1.868.948.727	-
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật NIC	684.200.000	-	-	-
Khác	4.884.000	-	43.985.191	-
	-	-	-	-
	4.431.155.262	-	7.125.075.155	(170.851.865)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	616.243.763	-	1.120.411.006	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu tiền tư vấn thiết kế, khảo sát và giải phóng mặt bằng (*)	560.140.800	-	560.140.800	-
Phải thu khác	234.129.347	-	224.183.233	-
	1.460.513.910	-	1.924.735.039	-

(*) Phải thu tiền tư vấn thiết kế, khảo sát và giải phóng mặt bằng bao gồm các khoản chi phục vụ "Dự án Xây dựng Tòa nhà Trụ sở Văn phòng và dịch vụ cao cấp tại 45B Lý Thường Kiệt": (i) thanh toán tiền đền bù giải tỏa cho đối tượng Đinh Loan Nghiêm với số tiền 200.000.000 VND và (ii) tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại Tư vấn Thiết kế Xây dựng Á Châu 360.140.800 VND.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Nguyên liệu vật liệu	-	485.592.148
Hàng hóa	11.485.386.942	12.671.028.190
	11.485.386.942	13.156.620.338

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ	443.755.770	548.883.696
Chi phí công cụ dụng cụ	497.734.603	1.298.506.679
	941.490.373	1.847.390.375



8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	20.083.001.404	393.170.777	1.984.518.545	22.460.690.726
Tại ngày 31/12/2017	20.083.001.404	393.170.777	1.984.518.545	22.460.690.726
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	7.694.650.546	275.121.929	1.100.839.398	9.070.611.873
Khấu hao trong năm	538.964.613	79.319.667	161.784.468	780.068.748
Tại ngày 31/12/2017	8.233.615.159	354.441.596	1.262.623.866	9.850.680.621
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	12.388.350.858	118.048.848	883.679.147	13.390.078.853
Tại ngày 31/12/2017	11.849.386.245	38.729.181	721.894.679	12.610.010.105

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	-	-	1.050.780.942	1.050.780.942
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	121.594.126	121.594.126	1.113.632.703	1.113.632.703
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	950.749.931	950.749.931	1.416.061.998	1.416.061.998
Công ty Cổ phần đồ chơi an toàn Việt	483.624.092	483.624.092	-	-
Công ty TNHH in Thanh Bình	436.520.000	436.520.000	1.918.110.700	1.918.110.700
Công ty TNHH In và Thương Mại Ngọc Hương	378.803.505	378.803.505	947.267.198	947.267.198
Phải trả cho các đối tượng khác	3.695.495.859	3.695.495.859	3.674.235.169	3.674.235.169
	6.066.787.513	6.066.787.513	10.120.088.710	10.120.088.710

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Năm 2017		31/12/2017	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
(Đã điều chỉnh)						
Thuế giá trị gia tăng	-	99.993.272	905.834.291	934.778.160	-	128.937.141
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	58.274.813	-	347.064.041	352.724.453	52.614.401	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.378.999	100.612.382	123.093.523	-	30.860.140
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	2.293.848.988	2.293.848.988	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	48.838.651	48.838.651	-	-
	58.274.813	108.372.271	3.699.198.353	3.756.283.775	52.614.401	159.797.281

(*) Thuế TNDN phải nộp bao gồm 57.831.913 VND khoản truy thu thuế theo biên bản kiểm tra thuế ngày 16/05/2017 của Cục thuế Hà Nội.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Các khoản vay ngắn hạn

	01/01/2017	Phát sinh trong năm 2017		31/12/2017
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (a)	-	13.216.971.000	13.216.971.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (b)	-	11.043.571.332	11.043.571.332	-
	-	24.260.542.332	24.260.542.332	-

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

- Hợp đồng vay số 01/2017-HĐCVHM/NHCT106-HABOOK ngày 13/06/2017 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để thanh toán tiền mua hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng hạn mức vay là 20.000.000.000 VND, tổng số tiền vay trong năm là 13.216.971.000 VND. Thời gian vay theo từng kế ước nhận nợ và dưới 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên, lãi suất 7,5%/ năm, không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 081/KHDN-HBT/2017 ngày 26/07/2017 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam để thanh toán tiền mua hàng cho Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc và Công ty CP đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội. Tổng hạn mức vay là 10.000.000.000 VND, tổng số tiền vay trong năm là 11.043.571.332 VND. Thời gian vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất 8,8%/ năm, không có tài sản đảm bảo.

12. Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	393.000	38.059.950
Tài sản thừa chờ xử lý	12.606.314	41.241.491
Nhận ký quỹ, ký cược	25.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	1.328.554.688	2.756.567.058
	1.366.554.002	2.835.868.499
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	40.000.000
	-	40.000.000

(*) Các khoản phải trả phục vụ hoạt động xây dựng cơ sở vật chất trường học công trình trường Kim Liên và Bệnh viện Mắt Trung ương.

1116
ONG T
KIỂM H
KIỂM
AS
M-TT

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cổ phiếu Quý VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	20.000.000.000	4.000.000.000	6.057.673	-	-	24.006.057.673
Lợi nhuận năm trước	-	-	1.120.066.448	-	-	1.120.066.448
Tại ngày 01/01/2017	20.000.000.000	4.000.000.000	1.126.124.121	-	-	25.126.124.121
Lợi nhuận năm nay	-	-	1.179.570.163	-	-	1.179.570.163
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(1.017.839.121)	-	163.379.341	(854.459.780)
Mua cổ phiếu quỹ (ii)	-	-	-	(486.000.000)	-	(486.000.000)
Giảm khác (iii)	-	-	(242.791.860)	-	-	(242.791.860)
Tại ngày 31/12/2017	20.000.000.000	4.000.000.000	1.045.063.303	(486.000.000)	163.379.341	24.722.442.644

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 67/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 05 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau.

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận được phân phối		1.089.195.605
Cổ tức (chi tiền mặt)		800.000.000
Trích quỹ dự phòng bắt buộc bổ sung vốn điều lệ	5%	54.459.780
Trích quỹ đầu tư phát triển	10%	108.919.561
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5%	54.459.780

(ii) Mua cổ phiếu quỹ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 25/08/2017 với số lượng 6.000 cổ phần theo giá 81.000 VND/ cổ phần.

(iii) Bao gồm khoản chi thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không thường trực và khoản truy thu thuế theo biên bản kiểm tra thuế ngày 16/05/2017 của Cục thuế Hà Nội.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND	Tỷ lệ %
UBND Thành phố Hà Nội	7.518.000.000	37,59%	7.518.000.000	37,59%
Đỗ Ngọc Khanh	6.329.500.000	31,65%	6.329.500.000	31,65%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5.709.500.000	28,55%	5.709.500.000	28,55%
Các cổ đông khác	443.000.000	2,21%	443.000.000	2,21%
	20.000.000.000	100,00%	20.000.000.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cổ tức, lợi nhuận chia từ lợi nhuận năm trước	800.000.000	-



d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.994.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu Quỹ	6.000	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

14. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Doanh thu	127.777.418.586	129.174.198.016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.195.134.709	118.959.640.443
Doanh thu xây dựng cơ sở vật chất trường học	1.582.283.877	10.214.557.573
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.545.992.807	4.333.348.306
Hàng bán bị trả lại	4.545.992.807	4.333.348.306
Doanh thu thuần	123.231.425.779	124.840.849.710

(*) Doanh thu cung cấp dịch vụ là hoạt động liên kết cho thuê mặt bằng

15. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa và cung cấp dịch vụ	101.915.773.093	95.596.535.711
Giá vốn xây dựng cơ sở vật chất trường học	1.547.052.076	9.903.778.301
	103.462.825.169	105.500.314.012

16. Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.345.479.336	5.850.234.724
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	613.540.530	899.225.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	599.114.064	599.114.064
Tiền thuê đất	1.701.573.382	1.884.828.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.816.585.251	2.746.072.309
Chi phí bằng tiền khác	1.305.427.646	1.070.880.329
	12.381.720.209	13.050.355.082

NỘI DUNG

Tiêu đề

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

02-03

Báo cáo Tài chính

04-05

Báo cáo Tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ NỘI**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Đã được kiểm toán)

Bản Tuyên bố Báo cáo Tài chính

06-07

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.492.930.766	2.784.065.814
Chi phí dụng cụ quản lý	352.571.139	390.035.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.704.684	199.704.684
Thuế phí và lệ phí	610.415.310	654.068.331
Chi phí dự phòng	-	51.255.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.104.683.771	1.309.743.326
Chi phí bằng tiền khác	1.014.883.049	805.699.360
	5.775.188.719	6.194.572.856

18. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 (Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận trước thuế	1.474.462.703	1.400.083.060
Thu nhập chịu thuế	1.474.462.703	1.400.083.060
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	294.892.540	280.016.612
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế vào thuế TNDN phải nộp trong năm	57.831.913	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(58.274.813)	1.708.575
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(347.064.041)	(340.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(52.614.401)	(58.274.813)

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.179.570.163	1.120.066.448
Các khoản điều chỉnh	-	54.459.780
Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (i)	-	54.459.780
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.179.570.163	1.065.606.668
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.997.929	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	590	533

(i) Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 67/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 05 năm 2017.

Ngoài ra, Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận 2017, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2017.

20. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	845.584.962	4.632.627.437
Chi phí nhân công	8.094.460.102	12.289.050.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	798.818.748	798.818.748
Chi phí công cụ dụng cụ	966.111.669	1.289.261.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.844.600.092	9.707.792.371
Chi phí khác bằng tiền	4.760.225.565	6.140.132.747
	24.309.801.138	34.857.682.975

21. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.216.165.829	-	1.540.427.429	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.891.669.172	-	9.049.810.194	(170.851.865)
	8.107.835.001	-	10.590.237.623	(170.851.865)

Nợ phải trả tài chính

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	7.433.341.515	12.995.957.209
	7.433.341.515	12.995.957.209

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản

lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.216.165.829	-	2.216.165.829
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.891.669.172	-	5.891.669.172
	8.107.835.001	-	8.107.835.001
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.540.427.429	-	1.540.427.429
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.878.958.329	-	8.878.958.329
	10.419.385.758	-	10.419.385.758

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Phải trả người bán, phải trả khác	7.433.341.515	-	7.433.341.515
	7.433.341.515	-	7.433.341.515
01/01/2017			
Phải trả người bán, phải trả khác	12.955.957.209	40.000.000	12.995.957.209
	12.955.957.209	40.000.000	12.995.957.209

22. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23. Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh sách và các thiết bị giáo dục chủ yếu diễn ra tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

24. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	402.633.000	442.451.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	279.390.000	366.848.576
Trong đó thu nhập của Tổng Giám đốc	137.098.750	121.679.354
	682.023.000	809.299.576

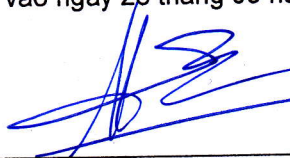
25. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán. Trong đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh hồi tố theo biên bản kiểm tra thuế ngày 16/05/2017 của Cục thuế Hà Nội. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày trên	Đã trình bày trên	Chênh lệch
		Báo cáo năm nay	Báo cáo năm trước	
		VND (a)	VND (b)	VND (a)-(b)
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.125.075.155	5.692.532.428	1.432.542.727
Hàng tồn kho	141	13.156.620.338	14.543.002.420	(1.386.382.082)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	58.274.813	67.506.942	(9.232.129)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	1.120.066.448	1.083.137.932	36.928.516
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	129.174.198.016	127.741.655.289	1.432.542.727
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	105.500.314.012	104.113.931.930	1.386.382.082
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	280.016.612	270.784.483	9.232.129
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	1.400.083.060	1.353.922.415	46.160.645
Giảm các khoản phải thu (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	09 10	1.188.941.046 672.228.721	2.621.483.773 (714.153.361)	(1.432.542.727) 1.386.382.082

26. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 26 tháng 03 năm 2018.


Trần Trung
Người lập biểu


Nguyễn Hải Đăng
Kế toán trưởng


Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018